

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN
Bản án số: 30/2021/HSST
Ngày: 30/3/2021

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN – TỈNH BẮC KẠN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị Thanh Huyền.

2. Bà Phan Thị Huyền.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sơn – Thẩm tra viên
Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà
Đỗ Mai Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại hội trường xét xử của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2020/HSST ngày 23/10/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn H (tên gọi khác: Không), sinh ngày 31/5/1995 tại thành phố B, tỉnh B1; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 7B, phường Đ, thành phố B, tỉnh B1; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; con ông Nguyễn Văn Đ và con bà Phạm Thị H 1; có vợ là Phạm Thị L và 03 con (con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2018); tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

*** Bị hại:** Anh Phạm Việt D, sinh năm 1986. Trú tại: Tổ 9A, phường Đ, thành phố B, tỉnh B1. Có mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Triệu Đình Ch, sinh năm 2000. Trú tại: Thôn N, xã N1, thành phố B, tỉnh B1. Vắng mặt.

2. Hà Tuấn A, sinh năm 1974. Trú tại: Tổ 10A, phường Đ, thành phố B, tỉnh B1. Vắng mặt.

*** Những người làm chứng:**

1. Nguyễn Hữu H2, sinh năm 1986. Trú tại: Tổ 2, phường Đ, thành phố B, tỉnh B. Vắng mặt.

2. Hà Đức D1, sinh năm 1991. Trú tại: Tổ 7B, phường Đ, thành phố B, tỉnh B1. Vắng mặt.

3. Lý Kim H3, sinh năm 1999. Trú tại: Tổ 4, phường Đ, thành phố B, tỉnh B1. Vắng mặt.

4. Triệu Thị L, sinh năm 2000. Trú tại: Thôn N2, xã B2, huyện P, tỉnh B1. Vắng mặt.

5. Đặng Thị T, sinh năm 2000. Trú tại: Thôn N3, xã M, huyện B3, tỉnh B1. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ ngày 20/10/2018, Nguyễn Hữu H2, Phùng Văn H4, Tống Văn V, Triệu Đình Ch, Nguyễn Văn H, Triệu Thị L, Đặng Thị T, Hà Đức D và 01 người đàn ông tên M (không rõ họ, tên và địa chỉ cụ thể) đến quán ăn L do anh Hà Tuấn A làm chủ tại tổ 10A, phường Đ, thành phố B, tỉnh B1 để ăn đêm. Một lúc sau có Lý Kim H5, Vũ Gia H6 đến quán, do có quen biết từ trước nên H2 đã gọi H5 và H6 sang ngồi cùng bàn với nhóm H để ăn uống giao lưu. Khoảng 20 phút sau thì Phạm Việt D và Hà Đức D1 đến quán, do có quen biết từ trước nên H2 đã gọi D và D1 sang ngồi cùng bàn với nhóm H2 để ăn uống giao lưu. Quá trình giao lưu, do trước đây H5 đã vay tiền D chưa trả nên D đã đòi tiền H5, sau đó D và H5 nói nhau rồi xảy ra xô xát, D đã dùng tay đánh nhiều lần vào sau vành tai phải của H5. Thấy vậy, H đã nói: “Chúng mày không tôn trọng anh, chúng mày vào mâm đánh người như thế”, rồi giữa D và H2 xảy ra xô xát, H2 tát D một cái vào má, sau đó D chạy ra khu vực bếp của quán ăn cầm 01 con dao bằng kim loại, đầu bằng, cán dao bằng gỗ, dài khoảng 32cm rồi đi về phía H2. Thấy vậy, D1 đã can ngăn D và tước được con dao từ tay của D, sau khi tước được dao của D1 thì D1 tay phải cầm dao, tay trái cùng D đánh H2 ngã. Sau đó H2 đứng dậy giằng được con dao từ tay của D1, trong lúc giằng con dao từ D1 thì H2 đã bị thương ở tay phải, sau khi giằng được dao thì H2 đã ném con dao ra ngoài phía cửa quán ăn, rồi H2 và D tiếp tục xô đẩy và đánh nhau bằng tay không, D1 thấy D bị H2 đánh thì vào ngăn H2, lúc này anh Tống Văn V đang nằm ngủ ở võng trong quán ăn tỉnh dậy thấy vậy liền đến ôm và đè D1 xuống dưới nền nhà. Thấy vậy, Ch và H đứng gần đó lao vào dùng tay đánh D thì D lùi người lại vào phía tường nhà phía trên tường có treo 01 tấm gương lớn, Ch tiếp tục cầm 01 cốc bằng thủy tinh ném trúng hông của D rồi chạy ra ngoài, Nguyễn Văn H đã dùng tay phải cầm cốc bằng thủy tinh, bát bằng sứ đặt trên mặt bàn ném nhiều lần trúng vào vùng đầu và vùng mặt của D làm chảy máu và gây thương tích ở vùng mắt, vùng đầu của D. Khi Ch chạy ra ngoài, thấy D đang vật lộn với V dưới nền nhà thì Ch đã rút từ trong túi đeo bên

người 01 gây rút ba khúc bằng kim loại , phần cán gây màu đen đánh vào người D1. Lúc này, anh Hà Tuấn A chủ quán đi đến và yêu cầu tất cả mọi người dừng việc xô xát lại thì mọi người mới dừng việc xô xát.

Sau khi bị thương anh Phạm Việt D được đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh B1 và Bệnh viện quân đội 108 tại Hà Nội để thăm khám, điều trị vết thương.

Ngày 20/10/2018, Cơ quan điều tra Công an thành phố Bắc Kạn đã phối hợp với các lực lượng chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định tỷ lệ thương tích của Phạm Việt D. Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 113 ngày 02/11/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Bắc Kạn đã kết luận:

Tổn thương 1: Một sẹo vết thương phần mềm vùng đỉnh đầu, đang tạo sẹo, sẹo lõm, kích thước 4cm x 0,2cm, vị trí cách 12cm trên sau điểm giữa 2 đầu cung lông mày. Tỷ lệ thương tật là 1,75%.

Tổn thương 2: Một sẹo vết thương phần mềm ở vùng thái dương đỉnh trái, đang tạo sẹo, sẹo lõm, kích thước 5cm x 0,2cm, vị trí cách 7cm trên trong đỉnh vành tai trái. Tỷ lệ thương tật là 1,75%.

Tổn thương 3: Một sẹo vết thương phần mềm ở đầu cung lông mày phải, đang tạo sẹo, sẹo lõm, kích thước 1,5cm x 0,1cm. Tỷ lệ thương tật là 1,75%.

Tổn thương 4: Một sẹo vết thương phần mềm ở sát đuôi mắt phải, đang tạo sẹo, sẹo lõm, kích thước 1cm x 0,1cm. Tỷ lệ thương tật là 1,75%.

Tổn thương 1,2 3, 4 theo chương 9 – Mục II- Khoản 1.

Tổn thương 5: Một sẹo vết thương phần mềm ở mặt lòng liên đốt 1, 2 ngón III bàn tay phải, đang tạo sẹo, kích thước 1,5cm x 0,2cm. Tỷ lệ thương tật là 0,93% theo chương 9 – Mục I- Khoản 1.

Vết xước da thái dương trái, bầm tím cánh tay phải không để lại di chứng.

Tỷ lệ thương tật toàn bộ là 8% (theo phương pháp cộng lùi).

Vật gây thương tích là vật có cạnh, góc.

Tại bản cáo trạng số 28/CT-VKSTPBK ngày 23/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố đối với Nguyễn Văn H về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người”

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm a, khoản 1, Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo từ 06 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 24 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố B, tỉnh B1 giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Phạm Việt D các khoản sau:

- Tiền chi phí cứu chữa (viện phí, khám, thuốc điều trị) có hóa đơn là 8.104.383 đồng (Tám triệu, một trăm linh bốn nghìn ba trăm tám mươi ba đồng).

- Tiền thuê xe đi cấp cứu tại Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 có hóa đơn là 3.800.000 đồng (Ba triệu tám trăm nghìn đồng).

- Tiền bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe trong thời gian điều trị là 7.400.000 đồng (Bảy triệu bốn trăm nghìn đồng).

- Tiền mất thu nhập của một người người chăm sóc trong thời gian điều trị là 1.050.000 đồng (Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

- Tiền tổn thất tinh thần tương đương 10 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định là: $10 \times 1.490.000 \text{ đồng} = 14.900.000 \text{ đồng}$ (Mười bốn triệu chín trăm nghìn đồng).

Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho bị hại là: 35.254.383 đồng (Ba mươi năm triệu hai trăm năm mươi tư nghìn ba trăm tám mươi ba đồng). Ghi nhận đã bồi thường số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), còn phải bồi thường tiếp số tiền 33.254.383 đồng (Ba mươi ba triệu hai trăm năm mươi tư nghìn ba trăm tám mươi ba đồng).

Về xử lý vật chứng: Đề nghị: Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) gậy rút 03 khúc bằng kim loại, khi rút hết 03 khúc dài 63cm, khi thu gọn dài 23cm, phần cán gậy màu đen đã qua sử dụng.

- Trả lại anh Hà Tuấn A: 01 (một) con dao bằng kim loại, đầu bằng, cán dao bằng gỗ, dài 32 cm, bản dao rộng 7cm đã qua sử dụng; 01 (một) bát bằng sứ màu trắng cao 5,5cm; đường kính 11cm đã qua sử dụng; 01 (một) cốc bằng thủy tinh có tay cầm cao 12,5cm, đường kính 6,5cm đã qua sử dụng; 01 (một) cốc bằng thủy tinh cao 7,5cm, đường kính 7cm đã qua sử dụng

- Tạm giữ số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn theo biên lai số 05403 ngày 17/5/2019 để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự theo quy định.

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận việc truy tố, xét xử bị cáo là không oan, đúng người, đúng tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn và Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo thống nhất với các lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại và những người làm chứng, vật chứng, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có cơ sở khẳng định:

Khoảng 00 giờ ngày 20/10/2018, tại quán ăn Lan A thuộc tổ 10A, phường Đ, thành phố B, tỉnh B1, Nguyễn Văn H đã có hành vi dùng cốc bằng thủy tinh và bát bằng sứ là hung khí nguy hiểm ném nhiều lần vào vùng mặt, vùng đầu của anh Phạm Việt D làm anh D bị thương với tỷ lệ thương tật toàn bộ là 8% (tám phần trăm). Tuy tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh D do thương tích gây nên là 8%, nhưng bị cáo đã sử dụng hung khí nguy hiểm để gây thương tích nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Do vậy, việc truy tố, xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương, vì vậy cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo không có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội ngày 17/5/2019 đã nộp số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn để

bồi thường cho bị hại. Do vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.

Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định và rõ ràng, không phải chịu tình tiết tăng nặng và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ. Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần xử phạt tù cho hưởng án treo cũng đủ tính răn đe, giáo dục, cải tạo đối với bị cáo đồng thời cũng tạo điều kiện cho bị cáo cơ hội sửa chữa sai phạm của mình.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường tổng số tiền là 81.904.383 đồng, cụ thể :

- Các khoản không có hóa đơn, **chứng từ**: Tiền ăn trong 7 ngày điều trị là 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng); tiền hoa quả, sữa, nước uống 7 ngày điều trị (cả anh D và 3 người chăm sóc) là 10.500.000 đồng (Mười triệu năm trăm nghìn đồng); tiền công 3 người chăm sóc trong 7 ngày điều trị là 3.150.000 đồng (Ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng); tiền thuốc, ăn uống, chiếu chụp tại bệnh viện Trung ương Quân đội 108 là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

- Các khoản có hóa đơn: Tiền thuê xe đi cấp cứu tại Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 tại Hà Nội là 3.800.000 đồng (Ba triệu tám trăm nghìn đồng); tiền chi phí cứu chữa đợt 1 ngày 20/10/2018 (tiền khám, thuốc, viện phí) là 2.131.351 đồng (Hai triệu một trăm ba mươi một nghìn ba trăm năm mươi một đồng); tiền chi phí cứu chữa đợt 2 từ ngày 21 đến 25/10/2018 (tiền khám, thuốc, viện phí) là 1.523.032 đồng (Một triệu năm trăm hai mươi ba nghìn không trăm ba mươi hai đồng); tiền thuốc đông y 4.450.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

- Tiền bù đắp tổn thất về tinh thần là 48.950.000 đồng (Bốn mươi tám triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Bị cáo nhất trí bồi thường các khoản có hóa đơn, đối với các khoản khác đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật và giữa bị cáo và bị hại không thỏa thuận được vấn đề bồi thường. Xét thấy, yêu cầu bồi thường của bị hại là chưa phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 590 Bộ luật dân sự và các hóa đơn, chứng từ do bị hại xuất trình, căn cứ vào tỷ lệ thương tật của bị hại, Hội đồng xét xử thấy cần buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại những chi phí hợp lý sau:

- Tiền chi phí cứu chữa (viện phí, khám, thuốc điều trị) có hóa đơn là 8.104.383 đồng (Tám triệu, một trăm linh bốn nghìn ba trăm tám mươi ba đồng).

- Tiền thuê xe đi cấp cứu tại Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 có hóa đơn là 3.800.000 đồng (Ba triệu tám trăm nghìn đồng).

- Tiền bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe trong thời gian điều trị là 7.400.000 đồng (Bảy triệu bốn trăm nghìn đồng).

- Tiền mất thu nhập của một người người chăm sóc trong thời gian điều trị là 1.050.000 đồng (Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

- Tiền tổn thất tinh thần tương đương 10 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định là: $10 \times 1.490.000 \text{ đồng} = 14.900.000 \text{ đồng}$ (Mười bốn triệu chín trăm nghìn đồng).

Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho bị hại là: 35.254.383 đồng (Ba mươi năm triệu hai trăm năm mươi tư nghìn ba trăm tám mươi ba đồng). Ghi nhận đã bồi thường số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), còn phải bồi thường tiếp số tiền 33.254.383 đồng (Ba mươi ba triệu hai trăm năm mươi tư nghìn ba trăm tám mươi ba đồng).

*** Về xử lý vật chứng:**

+ 01 (một) con dao bằng kim loại , đầu bằng, cán dao bằng gỗ, dài 32 cm, bản dao rộng 7cm đã qua sử dụng ; 01 (một) bát bằng sứ màu trắng cao 5,5cm; đường kính 11cm đã qua sử dụng ; 01 (một) cốc bằng thủy tinh có tay cầm cao 12,5cm, đường kính 6,5cm đã qua sử dụng; 01 (một) cốc bằng thủy tinh cao 7,5cm, đường kính 7cm đã qua sử dụng. Là tài sản của anh Hà Tuấn A. Tại phiên tòa anh Hà Tuấn A vắng mặt nhưng giai đoạn điều tra có đề nghị xin lại các tài sản trên. Nên cần trả lại cho anh Hà Tuấn A.

+ 01 (một) gậy rút 03 khúc bằng kim loại, khi rút hết 03 khúc dài 63cm, khi thu gọn dài 23cm, phần cán gậy màu đen đã qua sử dụng. Là tài sản của anh Triệu Đình Ch. Tại phiên tòa anh Ch vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đề nghị không lấy lại tài sản trên. Xét thấy tài sản không còn giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn theo biên lai số 05403 ngày 17/5/2019 cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

Trong vụ án này, anh Phạm Việt D khai ngoài bị cáo H gây thương tích cho anh ra còn có Nguyễn Hữu H, Triệu Đình Ch cũng tham gia vào quá trình Hoàng gây thương tích. Quá trình điều tra, truy tố không khởi tố, truy đối với Nguyễn Hữu H, Triệu Đình Ch. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận thấy có căn cứ xác định Nguyễn Hữu H2, Triệu Đình Ch đều đã có hành vi cùng Nguyễn Văn H tác động nên cơ thể anh Phạm Việt D, tuy không có sự bàn bạc thống nhất nhưng có chung mục đích đánh anh Phạm Việt D - Có dấu hiệu xác định có đồng phạm với Nguyễn Văn H trong việc gây thương tích cho anh Phạm Việt D. Tòa án đã trả hồ cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn để điều tra bổ sung để làm rõ vấn đề trên, tuy nhiên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố theo cáo trạng 28/CT-VKSTPBK ngày 23/5/2020, nên căn cứ quy định tại Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự về giới hạn của việc xét xử, Hội đồng xét xử chỉ xét xử đối với hành vi của Nguyễn Văn H.

Đối với Phạm Việt D đã có hành vi đánh nhiều lần vào sau vành tai phải của Lý Kim H3, nhưng Lý Kim H3 đã có đơn từ chối giám định thương tích và đề nghị

không khởi tố vụ án hình sự nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hành vi của Phạm Việt D là đúng quy định của pháp luật.

Đối với Hà Đức D1, quá trình điều tra xác định sau khi D1 tước được dao từ tay của Phạm Việt D để can ngăn việc D đánh nhau với anh Nguyễn Hữu H2, thì anh H2 đã xông vào giật dao trong tay của D1 để vứt ra cửa dẫn tới việc anh H2 bị thương tích ở tay. Ngày 01/11/2018, anh Nguyễn Hữu H2 đã có đơn từ chối giám định thương tích và yêu cầu không khởi tố vụ án hình sự, nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hành vi của Hà Đức D1 là đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình xô xát, Triệu Đình Ch còn dùng 01 gậy rút ba khúc đánh vào lưng và cánh tay trái của Hà Đức D1. Tuy nhiên, Hà Đức D1 không đề nghị xử lý đối với hành vi của Ch nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là đúng quy định của pháp luật.

Trong vụ án này, Phạm Việt D, Hà Đức D1, Nguyễn Hữu H2, Triệu Đình Ch đã có hành vi gây rối trật tự công cộng nên Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ cho Công an thành phố Bắc Kạn để xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

* Áp dụng điểm a, khoản 1, Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố B, tỉnh B1 giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Phạm Việt D số tiền 35.254.383 đồng (Ba mươi năm triệu hai trăm năm mươi tư nghìn ba trăm tám mươi ba đồng). Ghi nhận bị cáo đã bồi thường số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), còn phải bồi thường tiếp số tiền 33.254.383 đồng (Ba mươi ba triệu hai trăm năm mươi tư nghìn ba trăm tám mươi ba đồng).

Việc thi hành án khoản tiền bồi thường được thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) gậy rút 03 khúc bằng kim loại, khi rút hết 03 khúc dài 63cm, khi thu gọn dài 23cm, phần cán gậy màu đen đã qua sử dụng.

- Trả lại anh Hà Tuấn A: 01 (một) con dao bằng kim loại, đầu bằng, cán dao bằng gỗ, dài 32 cm, bản dao rộng 7cm đã qua sử dụng; 01 (một) bát bằng sứ màu trắng cao 5,5cm; đường kính 11cm đã qua sử dụng; 01 (một) cốc bằng thủy tinh có tay cầm cao 12,5cm, đường kính 6,5cm đã qua sử dụng; 01 (một) cốc bằng thủy tinh cao 7,5cm, đường kính 7cm đã qua sử dụng

- Tạm giữ số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn theo biên lai số 05403 ngày 17/5/2019 để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận ngày 03/6/2019 giữa Công an thành phố Bắc Kạn và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.663.000 đồng (Một triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKSND thành phố;
- Cơ quan **CSĐT** Công an thành phố;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố;
- Chi cục THADS thành phố;
- Sở tư pháp;
- **UBND phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn;**
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

Trần Thị Dương